

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	<p>Chủ đầu tư là: CÔNG TY ĐIỆN LỰC LÂM ĐỒNG</p> <p>Địa chỉ: Số 02, Hùng Vương, Phường Xuân Hương – Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng</p> <p>Mã số thuế: 0300942001-013 Số tài khoản: 7451100330005 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Lâm Đồng</p> <p>Điện thoại: 02633910230 Fax:</p> <p>- Email: <a href="mailto:banqlda.pclد86@gmail.com">banqlda.pclد86@gmail.com</a></p>
<b>E-ĐKC 1.7</b>	<p>Công trình bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tên gói thầu: Cung cấp vật tư phụ kiện và thi công sửa chữa công trình (i) Sửa chữa Trạm 110kV Thuận Nam; (ii) Sửa chữa đường dây 110kV Đại Ninh – Sông Bình – Phan Rí 2; (iii) Sửa chữa Trạm 110kV Hàm Kiệm; (iv) Sửa chữa đường dây 110kV Hàm Thuận – Phan Thiết; (v) Sửa chữa đường dây 110kV Lương Sơn – Hòa Thắng – Mũi Né.</li><li>- Địa điểm thi công gói thầu: các xã Hàm Thuận Nam, Lương Sơn, Phan Rí Cửa, Hàm Kiệm, La Dạ, Đông Giang, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận, Hàm Liêm, Hòa Thắng và phường Mũi Né - tỉnh Lâm Đồng</li><li>- Các nội dung công việc cụ thể được mô tả trong E-HSMT tại: Bảng tổng hợp giá dự thầu, Bảng chi tiết giá dự thầu và Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật, Bản vẽ thiết kế thi công.</li></ul>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	<p>Địa điểm Công trường tại khu vực huyện: các xã Hàm Thuận Nam, Lương Sơn, Phan Rí Cửa, Hàm Kiệm, La Dạ, Đông Giang, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận, Hàm Liêm, Hòa Thắng và phường Mũi Né - tỉnh Lâm Đồng và được xác định trong Tập 2 - Bản vẽ thiết kế thi công.</p>
<b>E-ĐKC 1.16</b>	<p>Ngày hoàn thành là: ____ [ghi ngày]</p>
<b>E-ĐKC 1.17</b>	<p>Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: ____ [ghi ngày].</p>
<b>E-ĐKC 1.18</b>	<p>Ngày khởi công là: ____ [ghi ngày].</p>
<b>E-ĐKC 1.19</b>	<p>Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</p>

<b>E-ĐKC 1.29</b>	<p>Tư vấn quản lý dự án: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có];</p> <p>Tư vấn giám sát là: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát];</p>
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: ____ [Chủ đầu tư điền]
<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch thi công, Biểu tiến độ thi công chi tiết;</li> <li>- Biện pháp tổ chức thi công;</li> <li>- Thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt;</li> <li>- Hồ sơ quản lý an toàn lao động trong thi công sửa chữa;</li> <li>- Các đề xuất của nhà thầu được bên giao thầu chấp thuận (nếu có);</li> <li>- Danh sách cán bộ chủ chốt của nhà thầu (chỉ huy trưởng công trình, cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công, giám sát B ...) các đội, tổ thi công;</li> <li>- Danh sách các loại máy móc thiết bị thi công và vật tư thiết bị mà nhà thầu đăng ký sử dụng cho công trình;</li> <li>- Các phụ lục kèm theo của hợp đồng (nếu có).</li> </ul>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3 % giá hợp đồng.</li> <li>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Nhà thầu hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành (không quá 360 ngày).</li> <li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Chủ đầu tư giải tỏa và trả lại cho Nhà thầu không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Nhà thầu.
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
<b>E-ĐKC 8.11</b>	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
<b>E-ĐKC 9.3</b>	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ <i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i> ].
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng
<b>E-ĐKC 11.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Nhà thầu không được sử dụng thầu phụ khác cho các công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ trong E-HSDT.
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng: Nhà thầu thi công sửa chữa phải mua “Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng” tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng với giá trị tối thiểu là giá trị đầy đủ của công trình khi hoàn thành, bao gồm toàn bộ vật liệu, chi phí nhân công, thiết bị lắp đặt vào công trình, cước phí vận chuyển, các loại thuế, phí khác và các hạng mục khác do chủ đầu tư hoặc nhà thầu cung cấp theo như quy định tại nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi thay thế khác nếu có.</li> <li>- Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường: Nhà thầu thi công sửa chữa phải mua “Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường” tính từ ngày thực hiện công việc thi công trên công trường đến hết thời gian bảo hành công trình theo quy định pháp luật với số tiền bảo hiểm tối thiểu trong trường hợp bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường là một trăm (100) triệu đồng/người/vụ như quy định tại nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi thay thế khác nếu có.</li> <li>- Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba: Nhà thầu thi công sửa chữa phải mua “Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba” tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng như quy định tại nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi thay thế khác nếu có.</li> </ul>

<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình 365 ngày, kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng
<b>E-ĐKC 21</b>	Thông tin về Công trường là: các xã Hàm Thuận Nam, Lương Sơn, Phan Rí Cửa, Hàm Kiệm, La Dạ, Đông Giang, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận, Hàm Liêm, Hòa Thắng và phường Mũi Né - tỉnh Lâm Đồng
<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: _____ <i>[ghi địa điểm và ngày]</i> .
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa là 28 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản khiếu nại của nhà thầu hoặc chủ đầu tư.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu qua thương lượng, hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa lên Tòa án Nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng để giải quyết. Quyết định của Tòa án có giá trị bắt buộc cho cả hai bên.</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<p>- Ngày khởi công: _____ <i>[ghi ngày dự định khởi công]</i>.</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: _____ <i>[ghi ngày hoàn thành dự kiến]</i>.</p>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 15 ngày/lần khi tiến độ thi công có thay đổi hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật _____ <i>[ghi số tiền]</i>.</p>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	<p>Các trường hợp khác:</p> <p>Trường hợp các lý do bất khả kháng, không do lỗi chủ quan của các bên tham gia hợp đồng như trở ngại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc VTTB A cấp; Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan là ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, các thủ tục liên quan là ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu gây ra thì Công ty Điện lực Lâm Đồng và nhà thầu có văn bản thỏa thuận để điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp vướng mắc mặt bằng không được xem là lý do để nhà thầu chấm dứt hợp đồng.</p>
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	

<b>E-ĐKC 33.2</b>	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị: Tất cả các vật tư, thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, có chứng nhận chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất, được thí nghiệm đảm bảo chất lượng, thông số kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu thiết kế, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư và thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật được quy định ở Chương V.</li> <li>- Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, thiết bị do nhà thầu cung cấp để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình. Ngoài ra, chủ đầu tư sẽ lấy mẫu vật tư thiết bị (do nhà thầu cấp) để thử nghiệm, nhà thầu chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm này.</li> <li>- Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư và thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hay tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.</li> <li>- Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, thiết bị nêu trên.</li> <li>- Chủ đầu tư tổ chức việc chứng kiến lấy mẫu thử nghiệm tại nơi sản xuất hoặc nhà cung ứng và tại hiện trường;</li> <li>- Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu VTTB tập kết tại công trường, kiểm tra việc bảo quản theo quy định (kể cả VTTB A cấp).</li> </ul>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
<b>E-ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
<b>E-ĐKC 42.1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tạm ứng:</b> Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho nhà thầu <b>30% giá trị hợp đồng (không bao gồm chi phí dự phòng)</b>. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc mua vật tư chính đã thỏa thuận với chủ đầu tư trong biên bản thương thảo hợp đồng.</li> <li>- Thời gian tạm ứng: Sau 15 ngày kể từ khi Chủ đầu tư nhận được thông báo cấp vốn của cơ quan cấp phát vốn và các tài liệu sau của nhà thầu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản yêu cầu thanh toán của Nhà thầu;</li> <li>+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;</li> <li>+ Bảo lãnh tiền tạm ứng (gồm 01 bản gốc và 05 bản sao có xác nhận của đơn vị bảo lãnh): <b>Nhà thầu</b> thực hiện Bảo lãnh tiền tạm ứng cho <b>30% giá trị tạm ứng hợp đồng</b> theo <b>Mẫu số 16 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của E-HSMT</b> khi giá trị tạm ứng lớn hơn 01 tỷ đồng và <b>có hiệu lực bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 30 ngày</b>.</li> <li>+ <b>Dự toán trúng thầu hoặc bảng giá hợp đồng (cho từng công trình cụ thể)</b>.</li> </ul> </li> <li>- Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do</li> </ul>

	<p>một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Nhà thầu không giao nộp đúng hạn, Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu chi trả.</li> <li>- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích;</li> <li>+ Nhà thầu không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng;</li> <li>+ Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</li> </ul> </li> <li>- Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</li> <li>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</li> <li>- Thu hồi tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỉ lệ nhất định bắt đầu ngay khi thanh toán lần đầu và kết thúc khi khối lượng đã thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng trên cơ sở theo tiến độ phần trăm hoàn thành công trình.</li> </ul>
<p><b>E-ĐKC 44.1</b></p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.</li> <li>- Số lần thanh toán: Thanh toán theo đợt và khi công trình được nghiệm thu quyết toán hoàn thành. Số lần thanh toán cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đợt 1: Khi hoàn thành <math>\geq 20\%</math> giá trị hợp đồng, chủ đầu tư sẽ tổ chức nghiệm thu và thanh toán cho nhà thầu nhưng không quá 85% giá trị hợp đồng;</li> <li>+ Đợt 2: Khi hoàn thành <math>\geq 40\%</math> giá trị hợp đồng, chủ đầu tư sẽ tổ chức nghiệm thu và thanh toán cho nhà thầu nhưng không quá 85% giá trị hợp đồng;</li> </ul> </li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đợt 3: Khi hoàn thành <math>\geq 60\%</math> giá trị hợp đồng, chủ đầu tư sẽ tổ chức nghiệm thu và thanh toán cho nhà thầu nhưng không quá 85% giá trị hợp đồng;</li> <li>+ Đợt 4: Khi hoàn thành <math>\geq 75\%</math> giá trị hợp đồng, chủ đầu tư sẽ tổ chức nghiệm thu và thanh toán cho nhà thầu nhưng không quá 85% giá trị hợp đồng;</li> <li>+ Đợt cuối: Chủ đầu tư sẽ thanh toán sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>o Trường hợp công trình không có vật tư thiết bị thu hồi và A cấp sử dụng thừa, nhà thầu cung cấp bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương 5% giá trị hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại;</li> <li>o Trường hợp công trình có vật tư thiết bị thu hồi và A cấp sử dụng thừa: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nhà thầu hoàn tất công việc bàn giao các VTTB này trong thời gian quy định (khoản 2 và khoản 5 E-ĐKCT 27.2) và được Chủ đầu tư xác nhận, đồng thời cung cấp bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương 5% giá trị hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại;</li> <li>▪ Nhà thầu không thực hiện việc bàn giao VTTB này theo đúng thời gian quy định (khoản 2 và khoản 5 E-ĐKCT 27.2), sau khi nhà thầu cung cấp bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương 5% giá trị hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ thanh toán giá trị còn lại trừ đi giá trị bồi hoàn được xác định tại khoản 2 và khoản 5 E-ĐKCT 27.2.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn thanh toán: Hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là 14 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng và được quy định cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ hoàn chỉnh hồ sơ và chuyển đề nghị thanh toán đến cơ quan cấp phát vốn;</li> <li>+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo cấp vốn của cơ quan cấp phát vốn thì Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu.</li> <li>+ Sau khi hoàn tất hồ sơ quyết toán công trình và cơ quan cấp phát vốn có thông báo cấp vốn, đồng thời Nhà thầu cung cấp đầy đủ hồ sơ hoàn công và giải quyết hoàn tất các tồn tại thì Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo quy định tại phương thức thanh toán.</li> </ul> </li> <li>- Hồ sơ thanh toán khối lượng đợt và khi hoàn thành: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật (theo đúng biểu mẫu đã quy định) kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn</li> </ul> </li> </ul>
--	---

	<p>giám sát; trong đó có cột khối lượng tăng hoặc giảm so với hợp đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Nhà thầu.</li> <li>+ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán (Bảng thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành) được tính trên cơ sở: khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có), giá trị thu hồi tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán.</li> <li>+ Hóa đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính với giá trị của từng công trình cụ thể.</li> </ul> <p>- Điều chỉnh khối lượng hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh.</li> <li>+ Trường hợp thay đổi thiết kế xây dựng công trình được chủ đầu tư chấp thuận mà làm thay đổi khối lượng so với phạm vi công việc cần thực hiện theo hợp đồng thì phần khối lượng này (tăng, giảm, bổ sung) được điều chỉnh tương ứng. Việc điều chỉnh khối lượng này là căn cứ để điều chỉnh giá hợp đồng.</li> <li>+ Trường hợp Chủ đầu tư cắt giảm khối lượng công việc hoặc hạng mục trong hồ sơ thiết kế thuộc phạm vi công việc phải thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết thì giá hợp đồng phải giảm tương ứng với phần giá trị khối lượng công việc không phải thực hiện.</li> </ul> <p>- Điều chỉnh giá hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.</li> <li>+ Khi phát sinh khối lượng ngoài phạm vi hợp đồng và chưa có đơn giá trong hợp đồng, thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất đơn giá trước khi thực hiện. Đơn giá này được xác định căn cứ vào điều kiện thực tế, Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng.</li> <li>+ Đối với khối lượng tăng có đơn giá trong hợp đồng, hoặc giảm so với phạm vi công việc cần thực hiện theo hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng để điều chỉnh tăng, hoặc giảm giá hợp đồng tương ứng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 45</b>	Điều chỉnh thuế: Được phép
<b>E-ĐKC 46.1</b>	Phản tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%
<b>E-ĐKC 47.1(d)</b>	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

<b>E-ĐKC 47.7</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p>Mức phạt: Tổng số tiền phạt do vi phạm hợp đồng không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm, trong đó:</p> <p>a. Phạt do bên B vi phạm thời gian thi công công trình, thời gian hoàn thành hợp đồng do lỗi chủ quan của bên B, không do các nguyên nhân khách quan khác (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, các trường hợp thay đổi thiết kế, các trường hợp liên quan đến công tác đền bù giải phóng mặt bằng và vật tư do Bên A cung cấp) thì Bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chậm trễ 10 ngày đầu phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm;</li> <li>- Chậm mỗi 02 ngày tiếp theo phạt thêm 0,8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm;</li> </ul> <p>b. Phạt chất lượng thi công công trình không đảm bảo theo thỏa thuận trong hợp đồng, thì Bên B sẽ bị phạt 2% giá trị phần hợp đồng vi phạm khi không thực hiện đáp ứng của một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng vật tư, thiết bị lắp đặt cho công trình không phù hợp với quy định của hợp đồng về chủng loại hàng hóa, xuất xứ, nhãn hiệu, các thông số kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật quy định trong hồ sơ mời thầu, ...;</li> <li>- Thi công công trình không đảm bảo chất lượng, gây lún, nứt, chuyển vị,..., hoàn thiện công trình không đảm bảo tính thẩm mỹ, không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng mà không phải nguyên nhân từ đơn vị tư vấn thiết kế;</li> <li>- Thi công công trình không phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt mà không có ý kiến chấp thuận của bên A;</li> <li>- Thi công công trình không phù hợp với biện pháp thi công được duyệt, để xảy ra tai nạn, sự cố sụp đổ công trình.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 49.2</b>	Bồi thường thiệt hại: Ngoài việc phạt hợp đồng tại mục E-ĐKC 49.1. nêu trên, nhà thầu còn phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư, bên thứ ba (nếu có) toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, mức bồi thường thiệt hại tương đương với mức tổn thất của bên kia
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>	
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư cấp giấy chứng nhận hoàn thành hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (và/hoặc trong vòng 02 ngày, kể từ

	ngày các bên tổ chức nghiệm thu kỹ thuật công trình/hạng mục công trình).
<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trước 03 ngày kể từ ngày dự kiến mời nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
<b>E-ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại: _____ [ <i>ghi số tiền giữ lại</i> ].
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 03 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.